

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 20.9.2022

SỐNG TRONG MÂU THUẤN
Kinh Nāgadatta (Nāgadattasuttam)
CHƯƠNG IX. TƯƠNG ƯNG RỪNG (S. i, 200)

Người tu trú trong rừng là chọn nếp sống viễn ly. Một tu sĩ thường lui tới thân thiết với những tại gia cư sĩ là chú trọng sự giao thiệp mang tính cách nặng lòng qua lại với người đời. Hai khuynh hướng này vốn đối ngược, trái chống nhau. Trớ trêu là có nhiều cuộc sống thường tự mâu thuẫn với chính mình. Một người thành công, dù đời hay đạo, chọn lựa sự tương thích giữa đường đi và điểm đến. Không ý thức được lối sống đi ngược lại với bản nguyện bình sinh là điều đáng tiếc như câu thơ của cố đức: Tảng trụ thành hoàng Phật tổ ha (Tảng sĩ mà ở chốn phồn hoa thì Phật tổ cũng than thở dùm).



Kinh Văn

Ekam samayaṃ āyasmā nāgadatto kosalesu viharati aññatarasmim vanasaṇḍe. Tena kho pana samayena āyasmā nāgadatto atikālena gāmaṃ pavisati, atidivā paṭikkamati. Atha kho yā tasmim vanasaṇḍe adhivatthā devatā āyasmato nāgadattassa anukampikā atthakāmā āyasmantaṃ nāgadattaṃ samvejetukāmā yenāyasmā nāgadatto tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā āyasmantaṃ nāgadattaṃ gāthāhi ajjhabhāsi –

Một thuở Tôn giả Nāgadatta trú tại một khu rừng trong xứ Kosala. Bấy giờ Tôn giả Nāgadatta thường đi vào làng quá sớm và mãi quá chiều tối mới trở về.

Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng trắc ẩn với Tôn giả Nāgadatta, muốn cảnh tỉnh và mang lại lợi lạc cho vị ấy liền đi đến, nói lên kệ ngôn:

**“Kāle pavisa nāgadatta, divā ca āgantvā ativelacārī;
Samsaṭṭho gahaṭṭhehi, samānasukhadukkho.**

**“Bhāyāmi nāgadattaṃ suppagabbhaṃ, kulesu vinibaddhaṃ;
Mā heva maccurañño balavato, antakassa vasaṃ upesī”ti.**

“Nāgadatta vào làng
Thường sớm đi tối về
Quá gần hàng cư sĩ
Với bao chuyện buồn vui.

“Tôi thật sự ái ngại
Cho Nāgadatta
Thân thiết không biết thẹn
Đừng vào rọ của Ma .

Atha kho āyasmā nāgadatto tāya devatāya saṃvejito saṃvegamāpādīti.

Tôn giả Nāgadatta bừng tỉnh khi được vị thiên nhắc nhở.



“Kāle pavisa nāgadatta divā ca āgantvā ativelacārī

= Thầy Nāgadatta sớm tối đi về

Saṃsaṭṭho gahaṭṭhehi = quá gần gũi với những cư sĩ

samānasukhadukkho = chia sẻ niềm vui nỗi khổ

“Bhāyāmi nāgadattaṃ suppagabbhaṃ

= Tôi thật ái ngại cho thầy Nāgadatta không tầm quý

kulesu vinibaddhaṃ = vướng mắc với hàng tục gia

Mā heva maccurañño balavato antakassa vasaṃ upesī”ti

= Đừng rơi vào quyền lực khổng chế của Tử thần



Thích nghĩa

Ngoài bài kinh này không tìm thấy bất cứ chi tiết nào khác về Tôn giả Nāgadatta trong Tam tạng và Sớ giải. Bản Sớ giải của riêng bài kinh này cũng không cung cấp dữ kiện gì về vị này.

Theo Tăng Chi Bộ, Phẩm Năm Pháp “Vào làng vào lúc quá sớm và trở về khi quá trễ (Kāle pavissa gāmaṃ / dvā ca āgantvā) là hai trong năm biểu hiện khiến một tỳ khuru đi đến thói đoạ” (AN III 116, 27-117, 7).

Cụm từ samānasukhadukkhā mang ý nghĩa là “đồng cam cộng khổ” hay “chia sẻ buồn vui” trong nhiều ngữ cảnh mang ý nghĩa tích cực nói về đặc điểm của một người bạn tốt. Tuy nhiên trong bài kinh này mang ý nghĩa tiêu cực có nghĩa là “dính dáng vào những vui buồn của người tại gia một cách không thích hợp cho một vị xuất gia”.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

7. Nāgadattasuttaṃ [Mūla]

227. Ekaṃ samayaṃ āyasmā nāgadatto kosalesu viharati aññatarasmim vanasaṇḍe. Tena kho pana samayena āyasmā nāgadatto atikālena gāmaṃ pavisati, atidivā paṭikkamati. Atha kho yā tasmim vanasaṇḍe adhivatthā devatā āyasmato nāgadattassa anukampikā atthakāmā āyasmantaṃ nāgadattaṃ saṃvejetukāmā yenāyasmā nāgadatto tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā āyasmantaṃ nāgadattaṃ gāthāhi ajjhabhāsi –

“Kāle pavisa nāgadatta, divā ca āgantvā ativelacārī;
Saṃsaṭṭho gahaṭṭhehi, samānasukhadukkho.

“Bhāyāmi nāgadattaṃ suppagabbhaṃ, kulesu vinibaddhaṃ;
Mā heva maccurañño balavato, antakassa vasaṃ upesī”ti [vasameyyāti (sī. pī.),
vasamesīti (syā. kaṃ.)].

Atha kho āyasmā nāgadatto tāya devatāya saṃvejito saṃvegamaṃpādīti.

7. Nāgadattasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

227. Sattame **atikālenā**ti sabbarattiṃ niddāyitvā balavapaccūse koṭisammuñjaniyā thokaṃ sammajjitvā mukhaṃ dhovitvā yāgubhikkhāya pātova pavisati. **Atidivā**ti yāguṃ ādāya āsanasālaṃ gantvā pivitvā ekasmiṃ thāne nipanno niddāyitvā – “manussānaṃ bhojanavelāya paṇītaṃ bhikkhaṃ labhissāmī”ti upakaṭṭhe majjhanhike uṭṭhāya dhammakaraṇena udakaṃ gahetvā akkhīni pamajjitvā piṇḍāya caritvā yāvadatthaṃ bhuñjitvā majjhanhike vītivatte paṭikkamati. **Divā ca āgantvā**ti atikāle pavitṭhena nāma aññehi bhikkhūhi paṭhamataraṃ āgantabbaṃ hoti, tvaṃ pana ativiya divā āgantvā gatāsīti attho. **Bhāyāmi nāgadattanti** taṃ nāgadattaṃ ahaṃ bhāyāmi. **Suppagabbhanti** suṭṭhu pagabbhaṃ. **Kulesūti** khattiyakulādiupaṭṭhākakulesu. Sattamaṃ.